

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK, TỈNH KH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Hải

Bà Nguyễn Thị Hường

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Kiều - Thư ký TAND huyện DK- KH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện DK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXX-ST ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST- HNGĐ ngày 06/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Phước Tr, xã DT, huyện DK, tỉnh KH.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần S - sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn Phước Tr, xã DT, huyện DK, tỉnh KH .

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Trần S tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã DT vào năm 2001. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S thường xuyên say sìn, ghen tuông vô cơ, mỗi lần say anh S luôn có những lời nói, hành động xúc phạm đến chị, không chịu khó làm ăn, không có sự chăm sóc, quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi vã, gia đình không có hạnh phúc. Nhiều lần chị đã bỏ qua và tạo cơ hội nhưng anh S vẫn không thay đổi. Chị và anh S không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến anh S nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần S.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Nguyễn Th - sinh ngày 24/02/2003 và Trần Nguyễn A - sinh ngày 30/5/2011. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị xác định giữa chị và anh S không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần S trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian sống chung và kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tài chính, anh có nhậu nhẹt, có những lời nói xúc phạm đến chị Th, dẫn đến cả hai không có sự tôn trọng nhau. Khoảng gần 01 năm nay, anh và chị Th đã không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xin ly hôn, anh không đồng ý vì các con còn nhỏ.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Nguyễn Th - sinh ngày 24/02/2003 và Trần Nguyễn A - sinh ngày 30/5/2011. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh và chị Th không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh S; về con chung: Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Nguyễn Th và Trần Nguyễn A và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có. Bị đơn anh Trần S vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Trần S vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn với anh Trần S. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Nguyễn Th - sinh ngày 24/02/2003 và Trần Nguyễn A - sinh ngày 30/5/2011, cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nên không xem xét. Về nợ chung: không có, nên không xem xét; về án phí: Chị Th phải chịu tiền án phí HNGĐ/ST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần S tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45/2001, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh S thường xuyên say sấn, ghen tuông vô cớ, mỗi lần say anh S luôn có những lời nói, hành động xúc phạm đến chị, không chịu khó làm ăn, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Anh S thừa nhận có nhậu nhẹt, dùng những lời nói xúc phạm đến chị Th, dẫn đến cả hai không có sự tôn trọng nhau, không ai quan tâm đến ai, nhưng do các con chung còn nhỏ, nên anh không đồng ý ly hôn. Chị Th và anh S đều xác định không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2020, bà Nguyễn Thị Q - Chủ tịch Hội phụ nữ xã DT cho biết: vợ chồng chị Th và anh S không có yêu cầu địa phương hòa giải về hôn nhân nên địa phương không biết mâu thuẫn xảy ra giữa anh Trần S và chị

Th. Anh Trần S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, nhưng anh S không đến tham gia. Điều này chứng tỏ, anh S không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh S đã có mâu thuẫn dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần S.

[2]. Về con chung: Chị Th và anh S có 02 con chung là Trần Nguyễn Th - sinh ngày 24/02/2003 và Trần Nguyễn A - sinh ngày 30/5/2011. Cháu Th, A có nguyện vọng được ở với chị Th. Tại các buổi làm việc, anh S có nguyện vọng giao 02 cháu Tuyền, Quốc cho chị Th trực tiếp giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại, chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị Th phù hợp với pháp luật nên cần để chị Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung.

[3]. Về tài sản chung: Chị Th và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: chị Th và anh S xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Th nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần S.

[2]. Về con chung:

Giao 02 con chung Trần Nguyễn Th - sinh ngày 24/02/2003 và Trần Nguyễn A - sinh ngày 30/5/2011 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*).

Chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị Th, anh S đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và

gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001634 ngày 04/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh;
- Ủy ban nhân dân xã DT(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Kim Vinh